

Số: 5957 /QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày 03 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
(Đợt 7) cho 04 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng
công trình: Đường Võ Văn Tần, thành phố Vũng Tàu**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 51/2014/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh về việc quy định hạn mức các loại đất khi giao đất, công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh

Căn cứ Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 - 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh; Căn cứ Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày

19/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 - 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 42/2017/QĐ-UBND ngày 20/12/2017 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh và Quyết định số 26/2016/QĐ-UBND ngày 22/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi bổ sung Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2015 - 31/12/2019) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 66/2014/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng, vật nuôi, diêm nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND ngày 27/5/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan thực hiện thủ tục gia hạn sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 22/2017/QĐ-UBND ngày 21/8/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về Quy trình luân chuyển hồ sơ khi xác định giá đất cụ thể để xác định nghĩa vụ tài chính của người sử dụng đất và để tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định 43/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2018;

Căn cứ Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 28/11/2014, Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của UBND tỉnh về việc bổ sung nội dung ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh được ban hành Quyết định thu hồi đất và Công văn số 2629/STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy trình trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2018/QĐ-UBND ngày 10/5/2018 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về giá nhà, giá vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 3351/TB-UBND của UBND thành phố Vũng Tàu ngày 14/6/2017 để thực hiện dự án Đường Võ Văn Tần, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 2485/QĐ-UBND ngày 01/9/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất để tính bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện công trình: Đường Võ Văn Tần, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Vũng Tàu tại Tờ trình số 3102 /TTr-TNMT ngày 27 /7/2018,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (Đợt 7) cho 04 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Đường Võ Văn Tần, thành phố Vũng Tàu, với nội dung như sau:

- | | |
|--|--|
| 1. Số thửa đất bị thu hồi | : 04 thửa |
| 2. Thông tin thửa đất bị thu hồi | : |
| a. Bản đồ thu hồi đất | : |
| - Số các thửa đất | : 32, 8, 77, 78. |
| - Số tờ | : Theo tờ bản đồ thu hồi đất |
| b. Bản đồ địa chính phường Thắng Nhất | : |
| - Số thửa | : 156/84 (25), 84 (89), 127, 128. |
| - Số tờ | : 32, 24, 33. |
| 3. Diện tích đất thu hồi | : 68,30m² |
| a) Diện tích đất không đủ điều kiện tính bồi thường, hỗ trợ | : 7,30 m²; |
| b) Diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ | : 61,0 m²; |
| <i>Trong đó:</i> | |
| - Diện tích đất ở | : 28,70 m²; |
| - Diện tích đất nông nghiệp | : 32,30 m². |
| 4. Số hộ gia đình, cá nhân được tính bồi thường, hỗ trợ | : 04 hộ |
| 5. Số hộ tái định cư | : 0 hộ. |
| 6. Số hộ giao đất ở mới | : 0 hộ. |
| 7. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ | : 625.198.510 đồng. |

(Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm mười đồng)

Gồm có:

- | | |
|---|----------------------------|
| a) Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất | : 464.376.600 đồng; |
| b) Bồi thường hoa màu, cây trái | : 6.100.500 đồng; |
| c) Bồi thường nhà, vật kiến trúc | : 0 đồng; |
| d) Bồi thường khác | : 14.140.000 đồng; |
| đ) Các khoản hỗ trợ, trợ cấp | : 128.322.616 đồng; |
| e) Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB | : 12.258.794 đồng; |

Trong đó:

+ Hội đồng BT, HT và TĐC (10%)	:	1.225.879	đồng;
+ Trung tâm phát triển quỹ đất (65%)	:	7.968.216	đồng;
+ Phòng Tài nguyên và Môi trường (13%)	:	1.593.643	đồng;
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng 2 (2%)	:	245.176	đồng;
+ UBND phường Thắng Nhất (5%)	:	612.940	đồng;
+ Sở Tài chính (1%)	:	122.588	đồng;
+ Sở Tài nguyên và Môi trường (2%)	:	245.176	đồng;
+ Chi cục Quản lý Đất đai (2%)	:	245.176	đồng.

(Theo Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đính kèm).

8. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: Do Chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng 2 tổ chức chi trả tiền cho từng hộ dân, đơn vị có tên trong Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đính kèm và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trong thời gian 30 ngày kể từ khi ban hành Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm phối hợp với UBND phường Thắng Nhất phổ biến và niêm yết công khai Quyết định tại trụ sở UBND phường và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; gửi Quyết định đến từng người, đơn vị có đất bị thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi.

2. Trường hợp chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi, ngoài số tiền đã được UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Ban QLDA đầu tư xây dựng 2 có trách nhiệm thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng và thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có đất bị thu hồi (nếu có) hoặc các giấy tờ có liên quan được quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai (nếu có), chuyển cơ quan chuyên môn lập thủ tục chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.

4. Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Chi Cục thuế, Ban QLDA đầu tư xây dựng 2 có trách nhiệm phối hợp thực hiện việc khấu trừ đi khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính vào số tiền được bồi thường để hoàn trả ngân sách nhà nước đối với những trường hợp người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải quyết khiếu nại:

Người có đất bị thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong

khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền thì vẫn phải tiếp tục thực hiện Quyết định thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND thành phố Vũng Tàu và chịu trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, bàn giao mặt bằng bị thu hồi đúng thời gian quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; các Trưởng phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Kinh tế; Thanh tra, Chi Cục trưởng Chi Cục thuế, Chủ tịch UBND phường Thắng Nhất, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng 2; Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TTr.UBND thành phố Vũng Tàu;
- Kho bạc Nhà nước thành phố;
- Chi cục Quản lý đất đai;
- Lưu : VT, TH. T.Ngoc-TNMT (2 bản)

[Signature]

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

lư CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Vũ Thành

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ (ĐỢT 7)

(Ban hành kèm Quyết định số 8957 /QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2018 của UBND thành phố Vũng Tàu)
Công trình: Đường Võ Văn Tần, thành phố Vũng Tàu.

Số TT	CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT (Ông/bà)	ĐỊA CHỈ NƠI CÓ ĐẤT THU HỒI	SỐ THỪA BẢN ĐỒ THU HỒI ĐẤT	BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH PHƯỜNG				DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m²)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG (m²)	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ	TỔNG CỘNG	TÁI ĐỊNH CƯ/GIAO ĐẤT Ở MỚI	GHI CHÚ
				SỐ THỪA		SỐ TỜ				ĐẤT Ở	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC				
				CŨ	MỚI	CŨ	MỚI												
1	Nguyễn Văn Sự	14 Võ Văn Tần, P.Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu	32	156/84	25	4	32	0,30	0,00	0,00	0,00	0	739.000	0	400.000	0	1.139.000		
2	Hoàng Hữu Điệp - Hà Thị Thùy	02 Võ Văn Tần, P.Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu	8	84	89	4	24	6,50	0,00	0,00	0,00	0	657.500	0	0	0	657.500		
3	Trần Duy Phương - Phạm Thị Tiếp	70 Võ Văn Tần, P.Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu	77		127		33	32,30	32,30	0,00	32,30	129.361.500	2.352.000	0	0	24.355.984	156.069.484		
4	Nguyễn Văn Đàm - Nguyễn Thị Lý	72 Võ Văn Tần, P.Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu	78		128		33	29,20	28,70	28,70	0,00	335.015.100	2.352.000	0	13.740.000	103.966.632	455.073.732		truy thu thuế theo quy định
TỔNG CỘNG:								68,30	61,00	28,70	32,30	464.376.600	6.100.500	0	14.140.000	128.322.616	612.939.716		

* Số thửa đất bị thu hồi

04 thửa

* Diện tích đất thu hồi

68,30 m².

* Diện tích đất không đủ điều kiện tính bồi thường, hỗ trợ

7,30 m².

* Diện tích đất tính bồi thường, hỗ trợ

61,00 m².

Trong đó:

- Diện tích đất ở

28,70 m².

- Diện tích đất nông nghiệp

32,30 m².

* Số hộ dân có tài sản bị giải tỏa

04 hộ dân

* Số hộ tái định cư

0 hộ dân

* Số hộ giao đất ở mới

0 hộ dân

* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân

612.939.716 đồng (1)

* Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB

612.939.716 x 2 %

12.258.794 đồng (2)

Cụ thể:

+ Hội đồng BT, HT & TĐC, TP.Vũng Tàu (10%)	1.225.879	đồng;
+ Trung tâm phát triển quỹ đất, TP.Vũng Tàu (65%)	7.968.216	đồng;
+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, TP.Vũng Tàu (13%)	1.593.643	đồng;
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng 2 (2%)	245.176	đồng;
+ UBND phường Thắng Nhất, TP.Vũng Tàu (5%)	612.940	đồng;
+ Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1%)	122.588	đồng;
+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2%)	245.176	đồng;
+ Chi cục Quản lý Đất đai (2%)	245.176	đồng.
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ (1) + (2)	625.198.510	đồng.

(Bằng chữ: Sáu trăm hai mươi lăm triệu, một trăm chín mươi tám ngàn, năm trăm mười đồng) *pol*

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

li CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



hoàng vũ thanh
Hoàng Vũ Thanh